

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45 /2019/HNGĐ-ST

Ngày 13/11/2019

“V/v Ly hôn, nuôi con chung
khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tâm.

2. Ông Hoàng Ngọc Ánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Anh Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2019/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 về việc Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bạch Thị Đ**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm C, xã B S, huyện K B, tỉnh Hòa Bình.

2. *Bị đơn:* Anh **Bùi Hải L**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm D 1, xã V M, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

Hiện anh Bùi Hải L đang chấp hành án tại Trại giam Tân Lập.

Địa chỉ: Xã Vô Tranh, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Đoàn có mặt, anh Long vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn - chị Bạch Thị Đoàn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ kết hôn với anh L năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã V M, huyện Th S. Sau thời gian kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại xã V M. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với gia đình anh L được khoảng 3 năm, sau đó vợ chồng ra ở riêng sinh sống tại xã V M. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân chính do anh L không chịu tu trí làm ăn, hay chơi bời lêu lổng dẫn đến vi phạm pháp luật. Năm 2014 anh L bị kết án phạt tù, hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Tân Lập. Từ khi anh L đi chấp hành án chị Đ chuyển về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống tại xã B S, huyện K B, tỉnh Hòa Bình. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh L để giải phóng cho nhau ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Đ trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Bạch Huyền Tr, sinh ngày 06/8/2010, hiện cháu đang ở với chị Đ. Ly hôn chị Đ xin được nuôi con chung đến khi thành niên, chị Đ không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Đ trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Bùi Hải L hiện đang chấp hành án tại Trại giam Tân Lập, không có mặt tại phiên tòa, nhưng đã thể hiện quan điểm tại đơn xin ly hôn tự nguyện ngày 06/5/2019 có xác nhận của Trại giam Tân Lập như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Cuối năm 2009 anh L kết hôn với chị Đ, đăng ký kết hôn tại UBND xã V M, huyện Thanh Sơn. Tính đến nay vợ chồng đã kết hôn được hơn 9 năm, nhưng trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, bản thân anh L là người nghiện ma túy nặng, nên cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, anh L không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người bố trong gia đình. Tháng 6 năm 2015 anh L bị vi phạm pháp luật, bị xét xử và kết án, hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam Tân Lập. Anh L cũng nhận thấy tình cảm của mình không còn với chị Đ, nên anh xin ly hôn với chị Đ để đi tìm cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Bạch Huyền Tr, sinh ngày 06/8/2010, hiện cháu đang ở với chị Đ. Ly hôn anh L nhất trí để chị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi cháu thành niên, vì hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam nên không có điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh L trình bày vợ chồng không có gì

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:*

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện nghiêm túc quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về Phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ theo qui định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82,83 - Luật Hôn nhân và gia đình 2014:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bạch Thị Đ. Cho chị Bạch Thị Đ được ly hôn anh Bùi Hải L. Về con chung: Giao cháu Bùi Bạch Huyền Tr, sinh ngày 06/8/2010 cho chị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên, chị Đ tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bạch Thị Đ có địa chỉ tại xã B S- huyện K B- tỉnh Hòa Bình nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung với anh Bùi Hải L, có HKTT tại xóm D I, xã V M, huyện Th S. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35- BLTTDS Tòa án nhân dân huyện Th S, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh Bùi Hải L hiện đang chấp hành án trại Trại giam Tân Lập không thể đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không tham gia phiên tòa được. Căn cứ khoản 2 Điều 227- BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bạch Thị Đ và Bùi Hải L là hợp pháp, thể hiện tại đăng ký kết hôn số 04/2010, ngày 11/01/2010 do UBND xã V M, huyện Th S cấp (BL 01). Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do là anh L nghiện ma túy dẫn đến kinh tế gia đình càng thêm khó khăn. Chị Đ đã nhiều lần khuyên can nhưng anh L không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và tòa án tiến hành thu thập (BL11,33) đã chứng minh tình trạng hôn nhân thực tế của chị Đ, anh L đã không tồn tại từ năm 2014 cho đến nay, hai bên không thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau nữa. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị Đ, anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ đối với anh L là có căn cứ tại khoản 1 Điều 56 - Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh L đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Bạch Huyền Tr, sinh ngày 06/8/2010, hiện cháu đang ở với chị Đ. Xét điều kiện thực tế của anh L, chị Đ, nguyện vọng của cháu H và quan điểm về nuôi con chung của anh L, chị Đ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Bùi Bạch Huyền Tr

cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng kể từ tháng 10 năm 2019 cho đến khi cháu thành niên, tự lực được, là có căn cứ quy định tại khoản 1+2 Điều 81- Luật hôn nhân và gia đình 2014. Chị Đ không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Đ và anh L đều xác định vợ chồng không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Bạch Thị Đ phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 1+2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bạch Thị Đ. Cho chị Bạch Thị Đ được ly hôn anh Bùi Hải L.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Bạch Huyền Tr, sinh ngày 06/8/2010 cho chị Bạch Thị Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 11 năm 2019 đến khi cháu thành niên, tự lực được. Chị Đ không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Bùi Hải L không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bạch Thị Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị Đ đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0001882 ngày 25/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Chị Bạch Thị Đ có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi đương sự thường trú hoặc trụ sở Trại giam Tân Lập để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện.
- UBND xã V M, huyện Th S;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Bích Thủy